

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3097/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê
(đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Thiệu Hóa tại các Tờ trình số 355/TTr-UBND ngày 27/7/2017, số 377/TTr-UBND ngày 14/8/2017 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 2447/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 15/8/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tu

bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa, với những nội dung chính sau:

1. **Tên dự án:** Tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa.

2. **Tên chủ đầu tư:** UBND huyện Thiệu Hóa.

3. **Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.

4. **Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo an toàn và ổn định cho tuyến đê tả sông Mậu Khê, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

5. **Quy mô đầu tư:**

- Tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Mậu Khê với tổng chiều dài 5.439,28 m; xây dựng mới 4 tuyến kè với tổng chiều dài 1.860,1 m; làm mới 18 cống dưới đê thay thế cống cũ đã hư hỏng, 59 dốc lên đê để phù hợp với mặt cắt đê thiết kế và 13 cống dẫn nước dưới dốc.

- Tần suất chống lũ: $P = 10\%$.

- Hệ số an toàn: $K = 1,1$.

- Mức nước thiết kế tại đầu tuyến (K0+20,2): (+6.38) m.

- Độ cao gia thẳng: $a = 0,2$ m.

- Chiều rộng mặt đê: $B_n = 5$ m.

- Hệ số mái đê: Phía sông $m_s = 2$; phía đồng $m_d = 2$.

6. **Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:**

6.1. **Nội dung đầu tư:**

a) **Tuyến đê:** Tu bổ, nâng cấp 2 đoạn với tổng chiều dài $L = 5.439,28$ m, gồm:

- Đoạn 1: Từ K0+20,2÷K3+613,68 (điểm đầu giao với đê hữu sông Cầu Chày tại thôn Phú Lai, xã Thiệu Long, điểm cuối tại cầu Đông Mỹ thôn Đông Mỹ, xã Thiệu Duy), chiều dài $L_1 = 3.593,48$ m.

- Đoạn 2: Từ K7+263,68÷K9+109,48 (điểm đầu tại cống Thắng Long 3 cửa thôn Thắng Long, xã Thiệu Hợp, điểm cuối giao với đê hữu sông Mã tại thôn Chấn Long, xã Thiệu Hợp), chiều dài L2 = 1.845,8 m.

b) Kè bảo vệ mái phía sông: Xây dựng mới 4 tuyến kè với tổng chiều dài L = 1.860,1 m, gồm:

- Tuyến số 1: Từ K1+305,48÷K1+456,28, chiều dài L1 = 170,1 m.
- Tuyến số 2: Từ K2+089,05÷K2+832,85, chiều dài L2 = 743,8 m.
- Tuyến số 3: Từ K2+839,24÷K3+646,14, chiều dài L3 = 806,9 m.
- Tuyến số 4: Từ K7+443,18÷K7+579,48, chiều dài L4 = 139,3 m.

c) Cống dưới đê: Làm mới 18 cống dưới đê thay thế cống cũ đã hư hỏng, gồm:

- 7 cống tiêu dưới đê.
- 9 cống tiêu nước thải dân sinh.
- 2 cống lấy nước tưới kết hợp tiêu.

Vị trí, khẩu diện các cống cụ thể theo bảng sau:

TT	Vị trí cống	Khẩu diện n(BxH); Φ	Ghi chú
1	K1+198	Φ100 cm	Cống tiêu
2	K1+298	Φ60 cm	Lấy nước tưới kết hợp tiêu
3	K1+435	Φ60 cm	nt
4	K1+587	Φ100 cm	Cống tiêu
5	K2+236	1(1,2x1,5) m	nt
6	K2+741	2(1,2x1,5) m	nt
7	K3+083,24	Φ60 cm	Thoát nước thải
8	K3+128,24	Φ60 cm	nt
9	K3+132,24	Φ60 cm	nt
10	K3+167,24	Φ60 cm	nt
11	K3+219,14	Φ60 cm	nt
12	K3+281,14	Φ60 cm	nt
13	K3+329,14	Φ60 cm	nt
14	K3+369,14	Φ60 cm	nt
15	K3+426,14	Φ60 cm	nt

16	K7+974	2(1,3x1,5) m	Cống tiêu
17	K8+254,48	Φ60 cm	nt
18	K8+698	1(1,2x1,5) m	nt

d) Các dốc lên đê: Làm mới 59 dốc lên đê và 10 dốc vuốt chuyển tiếp để phù hợp với mặt cắt đê thiết kế và 13 cống dẫn nước dưới dốc.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Đê chính: Hướng tuyến cơ bản bám theo tuyến đê hiện tại, nắn chỉnh cục bộ một số vị trí để trơn thuận và đảm bảo an toàn giao thông.

- Hoàn thiện mặt cắt đê: Trên cơ sở tuyến hiện trạng được tôn cao, áp trực theo mặt cắt thiết kế từng đoạn bằng đất đồi, đắp đầm nén đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; dọc tuyến cứ 300 m bố trí 1 bãi tránh xe. Một số đoạn đê qua khu mộ, ao, tiếp giáp cống cũ qua đê, bố trí tường chắn bằng bê tông thường để giảm diện tích chiếm chỗ, đảm bảo chiều rộng mặt đê thiết kế. Mái đê phía sông và phía đồng phần đắp mới được trồng cỏ chống xói lở.

- Gia cố mặt đê kết hợp giao thông:

Mặt đê rộng $B_n = 5$ m, mặt gia cố rộng $B_{gc} = 3,5$ m bằng bê tông thường M250 dày 20 cm trên lớp cấp phối đá dăm (CPĐĐ) loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm, lề mỗi phía rộng $B_l = 0,75$ m đắp bằng đất đồi; độ dốc ngang mặt đê im = 2%, độ dốc lề il = 4%; dọc chiều dài tuyến cứ 5 m cắt 1 khe lún; 2 mép biên mặt đê bố trí cọc tiêu dẫn hướng bằng bê tông đúc sẵn. Riêng mặt các đoạn đê đi qua khu dân cư (đã được gia cố bằng bê tông), bổ sung gia cố mở rộng toàn mặt $B_{gc} = 5$ m dày 20 cm đảm bảo cao trình đỉnh đê thiết kế, các phần mặt mở rộng có móng bằng CPĐĐ loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm; đoạn qua khu dân cư xã Thiệu Long (từ K0+200÷K0+326, chiều dài 136 m) mặt đê được gia cố dốc ngang về phía đồng, có bố trí rãnh thoát nước với im = 2%, kết cấu rãnh bằng bê tông thường đổ tại chỗ kích thước $(B \times H) = (30 \times 55)$ cm, đỉnh rãnh đặt tấm đan bằng bê tông cốt thép (BTCT) có trừ lỗ thoát nước.

- Hoàn trả kênh tưới, tiêu:

+ Hoàn trả tuyến kênh đất giáp chân đê phía sông (đoạn từ K0+501÷K0+940, chiều dài 459 m) bằng bê tông thường đổ tại chỗ kích thước $(B \times H) = (50 \times 50)$ cm do đắp áp trực mở rộng đê về phía sông sẽ phủ lấp tuyến kênh này.

+ Nâng cao thành kênh ở mép mặt đê phía đồng (đoạn từ K7+508,98÷K7+597,98, chiều dài 89 m) bằng gạch xây, đỉnh kênh đặt tấm đan bằng BTCT, cao trình mặt tấm đan bằng cao trình mặt đê thiết kế.

b) Kè bảo vệ mái phía sông:

Từ cao trình đỉnh kè thiết kế xuống chân đê được kè bảo vệ bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước $(40 \times 40 \times 16)$ cm trên lớp đá dăm (1×2) cm dày 10 cm

và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương); chân kê là lăng thể tựa bằng đá hộc thả rời, đỉnh bằng đá lát khan chèn chặt dày 30 cm. Từ cao trình đỉnh kê lên đến mặt đê được bảo vệ bằng trồng cỏ trong ô bê tông hình lục lăng để chống xói lở và tạo cảnh quan khu vực.

c) Cổng dưới đê:

- Đối với 4 cổng hộp: Thân cổng bằng BTCT toàn khối đổ tại chỗ, cửa vào và bề tiêu năng bằng BTCT; gia cố thượng, hạ lưu bằng bê tông thường. Đóng mở cổng bằng cửa van phẳng lắp phía sông, cầu công tác bằng BTCT, vận hành bằng ô khóa quay tay kiểu trục vít.

- Đối với 14 cổng tròn: Thân cổng bằng ống bê tông ly tâm H30 đặt trên móng bằng BTCT; bề tiêu năng bằng BTCT; gia cố thượng, hạ lưu bằng bê tông thường. Đóng mở cổng bằng cửa van phẳng lắp phía sông, vận hành bằng ô khóa quay tay kiểu trục vít.

d) Dốc lên đê:

- Các dốc lên đê: Thân dốc bằng đất đắp đầm nén đảm bảo độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$, mái đắp ($m = 1,5$) được trồng cỏ chống xói lở; mặt dốc rộng trung bình ($3 \div 3,5$) m được gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20 cm, móng bằng CPDD loại 2 dày 20 cm, lề mỗi phía $B_l = 0,5$ m bằng đất đắp đầm nén chặt $K \geq 0,95$.

- Cổng dẫn nước dưới dốc: Thân cổng bằng ống bê tông ly tâm H30 $\Phi 60$ cm đặt trên móng bằng bê tông thường; gia cố cửa vào, cửa ra bằng bê tông thường.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C; công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề cấp V.

8. Địa điểm xây dựng: Tại các xã Thiệu Long, Thiệu Duy và Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa.

9. Diện tích sử dụng đất: 7,22 ha.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư:

49.994,5 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng: 36.435,0 triệu đồng;

Chi phí thiết bị: 68,4 triệu đồng;

Chi phí quản lý dự án: 834,0 triệu đồng;

Chi phí tư vấn ĐTXD: 4.166,8 triệu đồng;

Chi phí khác: 2.192,7 triệu đồng;
Chi phí bồi thường GPMB: 700,0 triệu đồng;
Chi phí dự phòng: 5.597,6 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh đầu tư 100% chi phí xây dựng, thiết bị, tư vấn xây dựng, quản lý dự án và chi khác; riêng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Thiệu Hóa chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện (theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đồng ý với đề nghị của UBND huyện Thiệu Hóa tại Tờ trình số 377/TTr-UBND ngày 14/8/2017: Ủy quyền cho chủ đầu tư căn cứ quy định của pháp luật, tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về quyết định của mình.

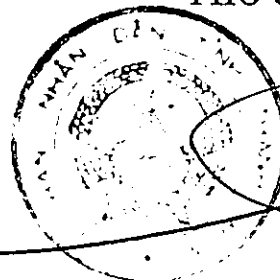
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 3097/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung công việc	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng		700,0
II	Chi phí xây dựng (XD)	Chi tiết	36.435,0
III	Chi phí thiết bị (TB)	Chi tiết	68,4
1	Thiết bị mua		55,712
2	Lắp đặt thiết bị		12,655
IV	Chi phí quản lý dự án (QLDA)	$2,513\% \times (XD+TB)/1,1$	834,0
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.166,8
A	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư		815,955
1	Chi phí lập dự án đầu tư (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,782\% \times (XD+TB)$	285,445
2	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	QĐ số 2224 ngày 07/7/2017 của UBND huyện Thiệu Hóa	478,679
3	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất	QĐ số 2257 ngày 10/7/2017 của UBND huyện Thiệu Hóa	19,491
4	Chi phí lập đề xuất chủ trương đầu tư	QĐ số 1831 ngày 09/6/2017 của UBND huyện Thiệu Hóa	32,340
B	Giai đoạn thực hiện đầu tư		3.350,827
1	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$2,0282\% \times XD$	738,958
2	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công (KS)	Tạm tính	980,000
3	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất	$4,072\% \times KS$	39,906
4	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,1464\% \times XD$	53,333
5	Chi phí thẩm tra dự toán (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,141\% \times XD$	51,352
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn khảo sát + lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,7504\% \times TVKS,TK$	12,900
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,2425\% \times XD$	88,359
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,2810\% \times TB$	0,192
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$2,1971\% \times XD$	800,506
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (QĐ 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	$0,7180\% \times TB$	0,491
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng	$0,8160\% \times GS$	6,536
12	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	$20\% \times QLDA$	183,471
13	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	QĐ số 1796 ngày 05/6/2017 của UBND huyện Thiệu Hóa	294,824
14	Giám sát bảo vệ môi trường	Tạm tính	100,000



TT	Nội dung công việc	Cách tính	Tổng mức đầu tư
VI	Chi phí khác		2.192,7
1	Phí thẩm định dự án đầu tư (TT 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	$0,0150\% \times \text{TMĐT}$	7,499
2	Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng (TT 329/2016/TT-BTC)	$1,040\% \times \text{XD}$	378,924
3	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (TT 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	$0,0299\% \times \text{XD}/1,1$	9,914
4	Phí thẩm định dự toán (TT 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	$0,029\% \times \text{XD}/1,1$	9,517
5	Phí thẩm định hồ sơ mời thầu + Kết quả lựa chọn nhà thầu	$0,10\% \times (\text{XD} + \text{TB})/1,1$	33,185
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016)	$0,475\% \times \text{TMĐT}$	237,462
7	Chi phí hạng mục chung	Chi tiết	1.457,401
8	Lệ phí tài nguyên môi trường	$1.500 \text{ đồng} \times 37.047$	55,570
9	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu công trình của cơ quan quản lý nhà nước	Chi tiết	3,240
VII	Chi phí dự phòng		5.597,6
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	$10\% \times (1 + \text{II} + \text{III} + \text{IV} + \text{V} + \text{VI})$	4.439,685
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	Chi tiết	1.157,938
	Tổng cộng		49.994,5